

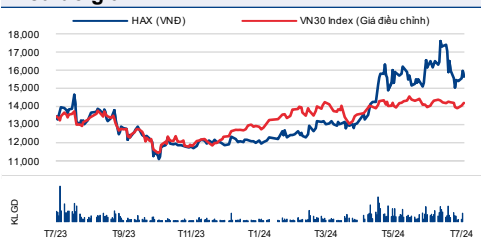
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ16,400
Tiềm năng tăng/giảm: 4.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2024)	15,650
Mã Bloomberg	HAX VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,099-17,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	15,717
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,462
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	57.9
Slg CP lưu hành (tr.đv)	93.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	46.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	33.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	14.7%
Tỷ lệ freefloat	61.8%
Cổ đông lớn	Tiền Dũng và gia đình (33.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,982	5,966	8,707
EBITDA đc (tỷ đồng)	108	247	363
LNTT (tỷ đồng)	48.1	190	271
LNT ĐC (tỷ đồng)	34.6	108	156
FCF (tỷ đồng)	31.5	(118)	(188)
EPS ĐC (đồng)	370	1,161	1,670
DPS (đồng)	300	500	1,000
BVPS (đồng)	12,459	11,344	11,796
T.trưởng EBITDA (%)	(68.4)	128	46.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(85.6)	214	43.9
Tăng trưởng DPS (%)	(40.0)	66.7	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.72	4.15	4.17
Tỷ suất LNTT (%)	1.21	3.19	3.12
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.87	1.82	1.79
Tỷ lệ LN trả CT (%)	81.0	43.1	59.9
Nợ thuần/VCSH (%)	56.9	74.9	104
ROAE (%)	3.40	9.50	13.1
ROACE (%)	7.31	18.5	25.1
EV/doanh thu (lần)	0.51	0.41	0.32
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.8	10.0	7.80
P/E ĐC (lần)	42.3	13.5	9.37
P/B (lần)	1.26	1.38	1.33
Lợi suất cổ tức (%)	1.92	3.19	6.39

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HAX là nhà phân phối của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và gần đây đã mở rộng phân phối cho một số thương hiệu khác như Nissan và MG.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: Lợi nhuận hồi phục mạnh nhưng vẫn thấp hơn dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2024 của HAX đã phục hồi mạnh mẽ, tăng gấp 4,4 lần so với cùng kỳ đạt 8 tỷ đồng, nhưng giảm 66% so với quý trước và thấp hơn đáng kể so với dự báo của HSC ở mức 18 tỷ đồng, do KQKD mảng phân phối xe Mercedes thấp hơn dự báo.
- Tính chung nửa đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 30 tỷ đồng (tăng gần 6 lần so với cùng kỳ) dẫn dắt bởi mảng phân phối xe MG. Tuy nhiên, kết quả này của HAX chỉ đạt 27% dự báo cho cả năm 2024 của HSC, do mảng phân phối Mercedes tiếp tục ảm đạm.
- Nếu không có bất kỳ sự hỗ trợ nào, tình hình kém khả quan của ngành có thể kéo dài đến cuối năm. Nếu chính sách miễn giảm 50% phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước được tái áp dụng có thể giúp tăng nhu cầu đối với mảng phân phối xe Mercedes. HSC đang xem xét lại dự báo của mình.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 4,4 lần so với cùng kỳ đạt 7,5 tỷ đồng, thấp hơn nhiều so với dự báo của HSC ở mức 18 tỷ đồng. Việc lợi nhuận phục hồi mạnh so với cùng kỳ chủ yếu được dẫn dắt bởi mảng kinh doanh xe MG (mảng này có KQKD sát với dự báo của chúng tôi) trong khi KQKD mảng phân phối xe Mercedes lại gây thất vọng, thấp hơn dự báo. Chi tiết như sau:

Mảng phân phối xe MG: Cải thiện mạnh mẽ, sát với dự báo

Mảng phân phối xe MG tiếp tục cải thiện mạnh mẽ trong Q2/2024, với lợi nhuận thuần sau thuế ước tính đạt 21 tỷ đồng, so với mức lỗ 4 tỷ đồng trong Q2/2023 và tiếp tục mở rộng từ mức 19 tỷ đồng trong Q1/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, HAX

Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng gấp 4,4 lần so với cùng kỳ nhưng giảm 66% so với quý trước, đạt 7,5 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ	% đạt dự báo
Doanh thu thuần	797	1,123	40.8%	8.2%	1,790	2,160	20.7%	36.2%
Lợi nhuận gộp	56	96	70.4%	0.8%	133	192	43.9%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	(9)	(5)	-48.8%	-4.6%	(27)	(10)	-64.2%	
Chi phí BH&QL	(52)	(72)	38.9%	22.4%	(110)	(130)	18.2%	
Thu nhập thuần khác	9	9	-2.5%	-3.9%	14	18	24.4%	
LNNT	5	28	531.0%	-30.6%	10	69	585.0%	36.4%
LNST	3	22	705.4%	-30.8%	6	54	762.3%	35.3%
Lợi nhuận thuần	2	8	342.8%	-66.3%	5	30	475.4%	27.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7.1%	8.6%			7.4%	8.9%		
Chi phí BH&QL/Doanh thu	-6.5%	-6.4%			-6.2%	-6.0%		
Tỷ suất LNNT	0.6%	2.5%			0.6%	3.2%		

Nguồn: HAX, HSC

Trong Q2/2024, tổng doanh số xe MG bán tại Việt Nam đạt 2.347 chiếc (gần gấp ba lần so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước). Tính chung nửa đầu năm 2024, doanh số bán của thương hiệu xe mới mẻ này đã tăng gấp ba lần so với cùng kỳ, đạt 4.508 chiếc. Là đại lý hàng đầu của thương hiệu xe MG, HAX đang nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ SAIC, công ty mẹ và là nhà phân phối độc quyền của MG tại Việt Nam, thuộc sở hữu của Trung Quốc. Tỷ suất lợi nhuận mảng phân phối xe MG của HAX dường như cao bất thường so với mức bình quân của ngành.

Mảng phân phối xe Mercedes: Gây thất vọng, do nhu cầu kém tích cực

Ngược lại, KQKD mảng phân phối xe Mercedes (thể hiện qua KQKD của công ty mẹ) đã gây thất vọng, với lợi nhuận thuần sau thuế chỉ đạt 1 tỷ đồng trong Q2/2024, giảm 86% so với cùng kỳ và 93% so với quý trước. Trong khi doanh số bán xe chỉ giảm 1% so với cùng kỳ (và vẫn tăng 10% so với quý trước), tỷ suất lợi nhuận giảm đáng kể do HAX phải đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi hơn trong bối cảnh sức mua kém tích cực.

HAX đã chủ động thu hẹp mảng phân phối xe Mercedes trong bối cảnh nhu cầu yếu. Tại thời điểm cuối Q2/2024, hàng tồn kho Mercedes tại HAX đã giảm đáng kể xuống còn 283 tỷ đồng, từ 458 tỷ đồng vào cuối Q1/2024 và 529 tỷ đồng vào cuối năm 2023. Theo đó, HSC dự báo KQKD mảng phân phối xe Mercedes sẽ tiếp tục kém khả quan trong Q3/2024.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Với KQKD Q2/2024 gây thất vọng, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2024 chỉ đạt 30 tỷ đồng, tăng gần 6 lần so với cùng kỳ nhưng chỉ đạt 27% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của HSC. Theo đó, chúng tôi đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị của mình đối với HAX.

Lưu ý rằng Chính phủ đang xem xét việc nới lại chính sách hỗ trợ miễn giảm 50% phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước. Nếu được thông qua, chính sách này có thể giúp cải thiện nhu cầu đối với xe Mercedes vì các mẫu xe chủ chốt của thương hiệu này được lắp ráp trong nước, trong khi không ảnh hưởng đến MG vì tất cả các xe MG đều được nhập khẩu (chủ yếu từ Thái Lan).

Bảng 2: KQKD mảng xe Mercedes, HAX

Lợi nhuận thuần mảng kinh doanh xe Mercedes giảm so với cùng kỳ & so với quý trước trong Q2/2024, chỉ đạt 1 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	722	714	-1.1%	9.6%	1,655	1,366	-17.5%
Lợi nhuận gộp	47	30	-36.7%	-23.5%	115	69	-40.4%
LNTT	8	1	-86.1%	-92.7%	19	17	-10.5%
LNST	6	1	-86.1%	-92.7%	15	13	-10.5%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	6.5%	4.2%			7.0%	5.0%	
Tỷ suất LNTT	1.1%	0.2%			1.1%	1.2%	

Nguồn: HAX

Bảng 3: KQKD các công ty con, HAX

Mảng xe MG giúp KQKD của các công ty con phục hồi mạnh mẽ trong Q2/2024

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	75	409	444.1%	5.9%	135	795	487.6%
Lợi nhuận gộp	9	66	611.3%	17.5%	18	123	593.7%
LNTT	(4)	27	n.a	7.2%	(8)	53	n.a
LNST	(4)	21	n.a	8.8%	(9)	40	n.a
<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp</i>	12.4%	16.2%			13.1%	15.5%	
<i>Tỷ suất LNTT</i>	-4.8%	6.7%			-6.2%	6.6%	

Nguồn: HAX, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	6,775	3,982	5,966	8,707	10,193
Lợi nhuận gộp	473	277	426	611	716
Chi phí BH&QL	(208)	(221)	(239)	(348)	(408)
Thu nhập khác	40.4	30.0	35.8	52.2	61.2
Chi phí khác	(0.03)	(0.80)	(1.20)	(1.74)	(2.04)
EBIT	305	84.9	221	313	367
Lãi vay thuần	(5.39)	(36.7)	(31.0)	(41.9)	(52.3)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	300	48.1	190	271	315
Chi phí thuế TNDN	(60.4)	(11.1)	(38.1)	(54.3)	(63.0)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.35	(2.47)	(43.9)	(61.0)	(57.5)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	240	34.6	108	156	195
Lợi nhuận thuần ĐC	240	34.6	108	156	195
EBITDA ĐC	343	108	247	363	421
EPS (đồng)	2,562	370	1,161	1,670	2,083
EPS ĐC (đồng)	2,562	370	1,161	1,670	2,083
DPS (đồng)	500	300	500	1,000	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	56.9	93.4	107	107	107
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	56.9	93.4	107	107	107
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	56.9	93.4	93.4	107	107

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	160	120	101	116	167
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	265	213	239	261	255
Hàng tồn kho	1,065	696	895	1,219	1,325
Các tài sản ngắn hạn khác	101	42.6	59.7	87.1	102
Tổng tài sản ngắn hạn	1,591	1,072	1,295	1,684	1,849
TSCĐ hữu hình	411	370	404	912	951
TSCĐ vô hình	11.2	10.9	10.7	10.5	10.3
Bất động sản đầu tư	469	469	469	0	0
Đầu tư dài hạn	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	94.9	82.8	125	183	214
Tổng tài sản dài hạn	987	935	1,011	1,107	1,176
Tổng cộng tài sản	2,578	2,006	2,306	2,790	3,025
Nợ ngắn hạn	1,152	700	895	1,262	1,427
Phải trả người bán	76.9	44.7	67.0	97.7	114
Nợ ngắn hạn khác	44.4	29.3	29.3	29.3	29.3
Tổng nợ ngắn hạn	1,424	839	1,084	1,520	1,722
Nợ dài hạn	0	0	0.11	0.11	0.11
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3.63	2.53	2.53	2.53	2.53
Nợ dài hạn khác	181	0.32	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	184	2.85	2.64	2.64	2.64
Tổng nợ phải trả	1,609	842	1,087	1,523	1,725
Vốn chủ sở hữu	922	1,115	1,170	1,218	1,252
Lợi ích cổ đông thiểu số	46.6	49.0	49.0	49.0	49.0
Tổng vốn chủ sở hữu	969	1,164	1,219	1,267	1,301
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,578	2,006	2,306	2,790	3,025
BVPS (đ)	17,016	12,459	11,344	11,796	12,107
Nợ thuần/(tiền mặt)	991	579	794	1,146	1,260

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	305	84.9	221	313	367
Khấu hao	(37.2)	(23.4)	(26.0)	(49.5)	(53.4)
Lãi vay thuần	(5.39)	(36.7)	(31.0)	(41.9)	(52.3)
Thuế TNDN đã nộp	(61.0)	(35.7)	(38.1)	(54.3)	(63.0)
Thay đổi vốn lưu động	(868)	367	(175)	(278)	(62.6)
Khác	32.2	39.2	(60.4)	(87.1)	(70.9)
LCT thuần từ HKKD	(633)	433	(58.0)	(99.8)	170
Đầu tư TS dài hạn	(705)	(401)	(59.7)	(87.9)	(91.7)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	309	402	0	0	0
Khác	22.8	0.58	(42.5)	(57.5)	(31.2)
LCT thuần từ HĐĐT	(373)	0.77	(102)	(145)	(123)
Cổ tức trả cho CSH	(24.8)	(36.0)	(53.7)	(107)	(161)
Thu từ phát hành CP	0	14.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,104	(452)	196	367	165
Khác	0	0	(0.32)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,080	(474)	141	260	3.42
Tiền & tương đương tiền đầu kì	87.6	160	120	101	116
LCT thuần trong kỳ	72.9	(40.3)	(18.7)	14.9	51.0
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	160	120	101	116	167
Dòng tiền tự do	(1,339)	31.5	(118)	(188)	78.7

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	6.98	6.96	7.13	7.02	7.02
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.06	2.72	4.15	4.17	4.13
Tỷ suất LNT (%)	3.54	0.87	1.82	1.79	1.91
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.1	23.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	22.0	(41.2)	49.8	45.9	17.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	32.7	(68.4)	128	46.6	16.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	50.4	(85.6)	214	43.9	24.7
Tăng trưởng EPS (%)	49.5	(85.6)	214	43.9	24.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	49.5	(85.6)	214	43.9	24.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	(40.0)	66.7	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	19.5	81.0	43.1	59.9	72.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.5	3.40	9.50	13.1	15.8
ROACE (%)	32.7	7.31	18.5	25.1	28.6
Vòng quay tài sản (lần)	3.51	1.74	2.77	3.42	3.51
Tiền mặt HĐ/EBIT (lần)	(2.07)	5.10	(0.26)	(0.32)	0.46
Số ngày tồn kho	61.7	68.6	59.0	55.0	51.0
Số ngày phải thu	15.3	21.0	15.7	11.8	9.81
Số ngày phải trả	4.46	4.40	4.41	4.41	4.41
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	121	56.9	74.9	104	112
Nợ/tài sản (%)	49.3	37.6	42.4	49.6	51.8
EBIT/lãi vay (lần)	56.6	2.31	7.14	7.48	7.02
Nợ/EBITDA (lần)	3.71	6.97	3.95	3.81	3.73
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.12	1.28	1.19	1.11	1.07
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.28	0.51	0.41	0.32	0.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.49	18.8	10.0	7.80	6.99
P/E (lần)	6.11	42.3	13.5	9.37	7.51
P/E ĐC (lần)	6.11	42.3	13.5	9.37	7.51
P/B (lần)	0.92	1.26	1.38	1.33	1.29
Lợi suất cổ tức (%)	3.19	1.92	3.19	6.39	9.58

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn